

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2036;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về chính sách tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- Khách hàng vay vốn theo quy định tại Nghị định này.
- Ngân hàng Chính sách xã hội.
- Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Địa bàn thực hiện

Thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

Điều 4. Nguyên tắc cho vay

1. Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đúng đối tượng, đảm bảo công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát trong việc cho vay vốn.
2. Khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội.
3. Khách hàng đủ điều kiện vay vốn của nhiều chương trình tín dụng có cùng mục đích sử dụng vốn vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội thì được lựa chọn thụ hưởng chính sách vay vốn có mức ưu đãi cao nhất.

Điều 5. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro

Việc phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro đối với các khoản vay theo quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 6. Bảo đảm tiền vay

1. Khách hàng vay vốn là hộ gia đình theo quy định tại Nghị định này không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay.
2. Khách hàng vay vốn không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 7. Nguồn vốn cho vay

Nguồn vốn cho vay theo quy định tại Nghị định này bao gồm:

1. Nguồn vốn từ ngân sách trung ương bố trí cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay các chính sách tín dụng tại Nghị định này theo quy định của pháp luật.
2. Nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

Chương II CHO VAY HỖ TRỢ ĐẤT Ở

Điều 8. Đối tượng vay vốn

Khách hàng vay vốn hỗ trợ đất ở bao gồm:

1. Hộ gia đình người dân tộc thiểu số.
2. Hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo trong từng thời kỳ.

Điều 9. Điều kiện vay vốn

Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2. Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.
3. Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

Điều 10. Mục đích sử dụng vốn vay

Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí để có đất ở.

Điều 11. Mức cho vay

Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 100 triệu đồng/hộ.

Điều 12. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 15 năm.

Điều 13. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay bằng 3%/năm.
2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Chương III CHO VAY HỖ TRỢ NHÀ Ở

Điều 14. Đối tượng vay vốn

Khách hàng vay vốn hỗ trợ nhà ở bao gồm:

1. Hộ gia đình người dân tộc thiểu số.
2. Hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo trong từng thời kỳ.

Điều 15. Điều kiện vay vốn

Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2. Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.
3. Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

Điều 16. Mục đích sử dụng vốn vay

Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở.

Điều 17. Mức cho vay

Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 100 triệu đồng/hộ.

Điều 18. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 15 năm.

Điều 19. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay bằng 3%/năm.
2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Chương IV CHO VAY HỖ TRỢ ĐẤT SẢN XUẤT

Điều 20. Đối tượng vay vốn

Khách hàng vay vốn hỗ trợ đất sản xuất bao gồm:

1. Hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo trong từng thời kỳ.
2. Hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp.

Điều 21. Điều kiện vay vốn

Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

4. Đối tượng vay vốn chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề.

Điều 22. Mục đích sử dụng vốn vay

Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí tạo quỹ đất sản xuất.

Điều 23. Mức cho vay

Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 200 triệu đồng/hộ.

Điều 24. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 10 năm.

Điều 25. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Chương V CHO VAY CHUYỂN ĐỔI NGHỀ

Điều 26. Đối tượng vay vốn

Khách hàng vay vốn chuyển đổi nghề bao gồm:

1. Hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo trong từng thời kỳ.

2. Hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp.

Điều 27. Điều kiện vay vốn

Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

4. Đối tượng vay vốn chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề.

Điều 28. Mục đích sử dụng vốn vay

Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí học nghề, chuyển đổi nghề.

Điều 29. Mức cho vay

1. Mức cho vay chi phí học nghề tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ.

2. Mức cho vay chuyển đổi nghề do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 200 triệu đồng/hộ.

Điều 30. Thời hạn cho vay

1. Thời hạn cho vay học nghề được áp dụng theo chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ.

2. Thời hạn cho vay chuyển đổi nghề do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 10 năm.

Điều 31. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Chương VI

CHO VAY HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, KINH DOANH

Điều 32. Đối tượng vay vốn

Khách hàng vay vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh bao gồm:

1. Hộ gia đình.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh).

Điều 33. Điều kiện vay vốn

Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Đối với hộ gia đình:

a) Cư trú hợp pháp tại địa phương.

b) Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

c) Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh:

a) Được thành lập, hoạt động hợp pháp tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

Điều 34. Mục đích sử dụng vốn vay

Khách hàng được vay vốn để thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 35. Mức cho vay

1. Mức cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh đối với hộ gia đình tối đa không quá 200 triệu đồng/hộ.

2. Mức cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh tối đa không quá 10 tỷ đồng/cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Điều 36. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 10 năm.

Điều 37. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 38. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan, các địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện các quy định tại Nghị định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương đề xuất biện pháp xử lý và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến hoạt động cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền.

c) Báo cáo kết quả thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định tại Nghị định này và đề xuất giải pháp triển khai trong những năm tiếp theo.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan, các địa phương nghiên cứu, đề xuất bổ sung ngân sách trung ương bố trí cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định tại Nghị định này.

b) Hướng dẫn các địa phương tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ, giao kế hoạch, dự toán ngân sách trung ương bố trí để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và quy định tại Nghị định này.

c) Hướng dẫn các địa phương rà soát, phê duyệt danh sách hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo:

Tổng hợp, công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Bộ Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương bố trí cho Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai thực hiện các chính sách tín dụng theo quy định tại Nghị định này.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo lĩnh vực được phân công đảm bảo nguồn lực thực hiện Nghị định và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tổ chức chính trị - xã hội để tuyên truyền, tổ chức, triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng theo quy định tại Nghị định này.

Điều 39. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức tuyên truyền chính sách, triển khai theo quy định tại Nghị định này.

2. Phê duyệt danh sách đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách vay vốn ưu đãi theo quy định Nghị định này và cung cấp cho NHCSXH làm cơ sở pháp lý để cho vay.

3. Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương tổ chức rà soát, tổng hợp nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng, đảm bảo công khai minh bạch, tránh chồng chéo, lợi dụng, trục lợi chính sách.

4. Bố trí ngân sách địa phương ủy thác thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện các chính sách tín dụng theo quy định tại Nghị định này.

Điều 40. Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Hướng dẫn hồ sơ vay vốn, quy trình và thủ tục cho vay đối với các đối tượng vay vốn theo quy định, đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, công khai, minh bạch.

2. Thực hiện cho vay các chính sách tín dụng theo quy định tại Nghị định này.

3. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ của đối tượng vay vốn, bảo đảm vốn vay được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và khả năng thu hồi vốn vay.

4. Định kỳ hằng tháng (trước ngày 15 tháng kế tiếp), Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo số liệu về kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Định kỳ hằng năm (trước ngày 31 tháng 1 năm liền kề), Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền chính sách, tổ chức, triển khai theo quy định tại Nghị định này.

Điều 41. Trách nhiệm của khách hàng vay vốn

1. Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định tại Nghị định này, sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi vốn vay đầy đủ, đúng thời hạn theo thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

2. Khách hàng vay vốn không được chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, quyền sử dụng đất sản xuất, nhà ở trong thời gian còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày

2. Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 43. Điều khoản chuyển tiếp

Các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn đã ký kết theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Chính sách xã hội, khách hàng vay vốn tiếp tục được thực hiện theo các cam kết, các quyền hạn và trách nhiệm ghi trong hợp đồng đã ký.

Điều 44. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

CHÍNH PHỦ